ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **2330** /TTr-UBND	*Quảng Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị thông qua Nghị quyết thông qua dự kiến về kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022 tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư[1], để đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua dự kiến về kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022, với những nội dung sau:

1. Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết:

Theo quy định tại khoản 2, 3, 5, 6 Điều 56, Luật Đầu tư công năm 2019 về Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm:

"2. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

[1] Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022; Công văn số 4880/BKHĐT-TH ngày 27/7/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2022.

3. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

4. Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

5. Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau.

6. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính".

Tuy nhiên, tại Công văn số 4881/BKHĐT-TH ngày 26/7/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, yêu cầu địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và lập kế hoạch năm 2022, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31/7/2021. Như vậy, thời điểm hướng dẫn lập kế hoạch chưa đảm bảo tiến độ theo quy định. Hơn nữa, thời gian yêu cầu địa phương báo cáo về Bộ kế hoạch và Đầu tư rất gấp (chỉ có 4 ngày) nên UBND tỉnh không đủ thời gian trình HĐND tỉnh tổ chức cuộc họp trong thời gian này để xin ý kiến về phương án xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh theo đúng quy định.

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và hướng dẫn của Trung ương, kính đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2022.

2. Nguyên tắc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách Trung ương năm 2022

- Việc bố trí vốn năm 2022 phải đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Danh mục dự án dự kiến bố trí vốn ngân sách trung ương năm 2022 phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã trình cấp có thẩm quyền;

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2021 của dự án; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2022.

- Phương án dự kiến phân bổ vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2022;

+ Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

+ Bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp bố trí theo tiến độ được phê duyệt quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công;

+ Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công, trong đó ưu tiên có tính chất liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

3. Dự kiến phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2022

Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương năm 2022 là 2.531.706 triệu đồng[2], gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022
	TỔNG SỐ	**2.531.706**
I	**VỐN TRONG NƯỚC**	**1.744.526**
I.1	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực**	**1.744.526**
	Trong đó:	
1	Thu hồi các khoản ứng trước	26.159
2	Các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên vùng, đường ven biển	800.000
3	Đối ứng ODA	121.034
4	Còn lại bố trí đầu tư theo ngành, lĩnh vực	797.333
II	**VỐN NƯỚC NGOÀI**	**787.180**

Phương án phân bổ dự kiến như sau:

3.1 Vốn trong nước:

a. Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.744.526 triệu đồng

[2] Tại Công văn số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022

Tổng mức vốn đầu tư tư theo ngành, lĩnh vực năm 2022 là **1.744.526 triệu đồng**, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguyên tắc và tiêu chí phân bổ, UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn thu hồi 100% các khoản vốn ứng trước: 26.159 triệu đồng;
- Bố trí vốn đối ứng ODA: 121.034 triệu đồng. Trong đó: Bố trí vốn đối ứng cho các dự án kết thúc năm 2021 chưa bố trí hết vốn và dự kiến kết thúc năm 2022 là 50.536 triệu đồng; Bố trí vốn đối ứng cho các dự án chuyển tiếp và khởi công mới năm 2022 là 70.678 triệu đồng;
- Bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-sử dụng nguồn dự phòng chung (Dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn 1, Dự án Kè Hải Thành - Quang Phú): 40.000 triệu đồng;
- Bố trí vốn cho dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình): 800.000 triệu đồng;
- Sau khi bố trí vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại là 797.333 triệu đồng, bố trí cho các dự án chuyển tiếp (khởi công mới năm 2021) và các dự án khởi công mới năm 2022 đã được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đúng quy định.

3.2 Vốn nước ngoài

Tổng mức vốn nước ngoài năm 2021 là **787.180 triệu đồng**, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguyên tắc và tiêu chí phân bổ, UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí hết vốn cho các dự án kết thúc năm 2021 nhưng chưa được bố trí đủ vốn dự kiến hoàn thành năm 2022: 312.344 triệu đồng;
- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp: 464.322 triệu đồng;
- Phần vốn còn lại sẽ bố trí cho các dự án khởi công mới: 10.514 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

4. Một số ý kiến giải trình khác:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương bố trí cho ngành, lĩnh vực, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Bình đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 và được Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021. UBND tỉnh báo cáo phương án dự kiến Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 trên cơ sở danh mục dự án Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao và số vốn dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh Quảng Bình được Bộ Kế

hoạch và Đầu tư thông báo tại Công văn số 6926/BKHDTD-TH ngày 11/10/2021 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2022 và tình hình triển khai thực hiện các dự án.

- Đối với một số dự án chưa được giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (dự kiến sẽ được giao vào kỳ họp Quốc hội sắp tới) có nhu cầu vốn năm 2022, UBND tỉnh Quảng Bình báo cáo và kiến nghị HĐND tỉnh thông qua danh mục và kế hoạch vốn dự kiến cho các dự án này để có cơ sở về nguồn vốn thực hiện năm 2022 (sau khi được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025), cụ thể:

+ Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh (thời gian thực hiện dự kiến 2022-2025).

+ Dự án Thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn (nguồn vốn đối ứng NSTW và vốn ODA).

+ Hỗ trợ Chương trình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ số Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao vào cuối năm 2021 và tình hình giao kế hoạch đầu tư công trung hạn của các dự án nêu trên, UBND tỉnh sẽ hoàn thiện phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 theo đúng quy định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để triển khai thực hiện.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

Phụ lục I

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số 1330 /TTr-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ				**7.256.351**	**6.436.351**	**468.740**	**468.740**	**468.740**	**468.740**	**508.740**	**508.740**	**6.087.134**	**5.267.134**	**33.992**	**1.823.492**	**1.623.492**	**26.159**	
A	**HOÀN ỨNG TRƯỚC**				**163.209**	**163.209**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**33.992**	**33.992**	**33.992**	**26.159**	**26.159**	**26.159**	
	Đảm bảo an toàn hồ chứa				**163.209**	**163.209**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**33.992**	**33.992**	**33.992**	**26.159**	**26.159**	**26.159**	
1	Sửa chữa nâng cấp cụm hồ chứa nước xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch	Huyện Bố Trạch	2013-2016	1831/QĐ-UBND ngày 30/7/2010	99.210	99.210	2.833	2.833	2.833	2.833	2.833	2.833	11.000	11.000	11.000	8.167	8.167	8.167	
2	Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ huyện Quảng Ninh (hồ Điều Gà)	Huyện Quảng Ninh	2013-2016	851/QĐ-UBND ngày 26/4/2010	34.720	34.720	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	11.992	11.992	11.992	9.492	9.492	9.492	
3	Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Cây Mưng xã Mai Thủy	Huyện Lệ Thủy	2013-2016	2677/QĐ-UBND ngày 19/10/2011	29.279	29.279	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	11.000	11.000	11.000	8.500	8.500	8.500	
B	**NGÀNH GIAO THÔNG**				**5.917.307**	**5.097.307**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**4.917.307**	**4.097.307**	**0**	**1.550.733**	**1.350.733**		
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**				**3.290.000**	**2.740.000**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**3.040.000**	**2.490.000**	-	**1.161.517**	**1.041.517**	-	
a	***Dự án nhóm A***																		
1	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (Dự án thành phần 1- Đường ven biển: NSTW 1.400 tỷ đồng; Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3: NSTW 300 tỷ đồng)	Toàn tỉnh	2021-2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	2.200.000	1.650.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1.950.000	1.400.000	-	820.000	700.000	-	
-	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	2.200.000	1.650.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1.950.000	1.400.000		820.000	700.000		
b	***Dự án nhóm B***																		
1	Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân đi xã Trường Sơn huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Quảng Ninh	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
3	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm Thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
4	Đường từ Tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1).	Bố Trạch	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
5	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Ba Đồn	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
6	Đường nối từ Quốc lộ 1A đến Quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000	33.829	33.829	33.829	33.829	33.829	33.829	210.000	210.000		70.917	70.917		
7	Xây dựng Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A.	Quảng Trạch	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000	41.678	41.678	41.678	41.678	41.678	41.678	210.000	210.000		71.600	71.600		
8	Tuyến đường liên xã phía Tây thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	170.000	170.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	170.000	170.000		54.000	54.000		
(3)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**				**1.327.307**	**1.307.307**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.327.307**	**1.307.307**	**0**	**209.216**	**209.216**		
a	***Dự án nhóm A***																		
1	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (Dự án thành phần 1- Đường ven biển: NSTW 1.400 tỷ đồng; Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3: NSTW 300 tỷ đồng)	Toàn tỉnh	2021-2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	1.300.000	1.050.000	0	0	0	0	0	0	550.000	300.000	0	180.000	100.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
-	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hai đầu cầu	Đồng Hới	2022-2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	1.300.000	1.050.000							550.000	300.000		180.000	100.000		
b	***Dự án nhóm B***																		
1	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	157.307	157.307							157.307	157.307		25.216	25.216		
2	Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	160.000	160.000							160.000	160.000		25.600	25.600		
3	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	200.000	200.000							200.000	200.000		32.000	32.000		
4	Tuyến đường kết nối từ đường ven biển đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	180.000	180.000							180.000	180.000		28.800	28.800		
5	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	Lệ Thủy	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	140.000	140.000							140.000	140.000		22.400	22.400		
6	Hạ tầng tuyến đường chính từ Trung tâm huyện Quảng Trạch kết nối với Tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	110.000	110.000							110.000	110.000		17.600	17.600		
7	Hạ tầng Tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	Ba Đồn	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	130.000	110.000							130.000	110.000		17.600	17.600		
8	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp hạ tầng tuyến đường tỉnh lộ 559 đoạn từ xã Quảng Lộc đi xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	100.000	100.000							100.000	100.000		16.000	16.000		
9	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	150.000	150.000							150.000	150.000		24.000	24.000		
C	**NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**				**100.000**	**100.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**40.000**	**40.000**	**60.000**	**60.000**	**0**	**35.000**	**35.000**		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**																		
	Dự án nhóm B																		
1	Kè biển Hải Thành-Quang Phú, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 2)	Đồng Hới	2020-2023	1833/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	100.000	100.000					40.000	40.000	60.000	60.000		35.000	35.000		
(2)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
1	Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	250.000	250.000	-	-	-	-	-	-	250.000	250.000	-	70.750	70.750	-	
-	Dự án thành phần 1: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn đập Khe Dổi, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2022	85.000	85.000							85.000	85.000		21.250	21.250		
-	Dự án thành phần 2: Sửa chữa hồ Nước Sốt và hồ Khe Mái huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2023	30.000	30.000							30.000	30.000		9.000	9.000		
-	Dự án thành phần 3: Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê, đập Hói Trường, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2024	25.000	25.000							25.000	25.000		7.500	7.500		
-	Dự án thành phần 4: Sửa chữa, nâng cấp 02 hồ Bàu Trạng xã Cự Nẫm và Trọt Hóp xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2025	21.000	21.000							21.000	21.000		6.300	6.300		
-	Dự án thành phần 5: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Nghè, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	30.000	30.000							30.000	30.000		9.000	9.000		
-	Dự án thành phần 6: Sửa chữa, nâng cấp hồ Điều Gà và hồ Long Đại (hồ Trớm), huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2027	30.000	30.000							30.000	30.000		9.000	9.000		
-	Dự án thành phần 7: Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ chứa nước Cồ Hụ, Ô Rô và Văn Minh, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2028	29.000	29.000							29.000	29.000		8.700	8.700		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Hỗ trợ Chương trình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022-2025		50.000	50.000							50.000	50.000		7.450	7.450		
D	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**				**35.835**	**35.835**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**35.835**	**35.835**	**0**	**15.000**	**15.000**	**0**	
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**																		
a	***Dự án nhóm B***																		
1	Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn 1	Lệ Thủy	2020-2023	1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; 1999/QĐ-UBND ngày 16/6/2020	35.835	35.835	0	0	0	0	0	0	35.835	35.835		15.000	15.000		
E	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**				**150.000**	**150.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**150.000**	**150.000**	**-**	**24.000**	**24.000**		
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
	Dự án nhóm B																		
1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	150.000	150.000							150.000	150.000		24.000	24.000		
F	**LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH**				**260.000**	**260.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**260.000**	**260.000**	**-**	**41.600**	**41.600**		
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
1	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000							210.000	210.000		33.600	33.600		
2	Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	50.000	50.000							50.000	50.000		8.000	8.000		
G	**HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**				**120.000**	**120.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**120.000**	**120.000**	**0**	**19.200**	**19.200**	**0**	
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu Kinh tế Hòn La	Quảng Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	120.000	120.000							120.000	120.000		19.200	19.200		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
H	**LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**				**210.000**	**210.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**210.000**	**210.000**	**0**	**33.600**	**33.600**	**0**	
1	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
a	***Dự án nhóm B***																		
1	Dự án chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000							210.000	210.000		33.600	33.600		

Phụ lục II

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 2330 /TTr-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư TMĐT							Năm 2021								Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến KH năm 2022				Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Kế hoạch giao (Đã bao gồm vốn nước ngoài)				Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/12/2021				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW			
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
										Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)							
											Dưa vào cân đối NSTW	Vay lại																	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
	TỔNG SỐ					**7.040.483**	**1.480.805**	**611.976**		**5.559.678**	**4.159.695**	**1.061.576**	**490.788**	**101.440**	**36.953**	**389.348**	**483.901**	**94.553**	**36.953**	**389.348**	**1.818.528**	**253.694**	**36.953**	**1.564.834**	**908.214**	**121.034**	**-**	**787.180**	
A	**VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																												
I	**HOÀN ỨNG TRƯỚC**																												
1	Dự án Vệ sinh Môi trường TP Đồng Hới	WB	2007	2014	796/QĐ-UBND ngày 22/4/2009; 3041/QĐ-UBND ngày 23/10/2009; 445/QĐ-UBND ngày 4/3/2010	1.548.992	315.394	221.154	60 triệu USD	1.233.598	1.233.598		36.953	36.953	36.953		36.953	36.953	36.953		36.953	36.953	36.953						Chưa giao Trung hạn 2021-2025
II	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**																												
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống phân phối và xử lý nước 5 xã Hiền Ninh Tân An Vạn và KCN Áng Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Italia	2010		3159/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	35.517	24.536	9.887	0,45 triệu EURO	10.981	10.981	6.887	6.887	6.887							6.887	6.887								Chưa giao trung hạn 2021 - 2025
2	Dự án giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (ADB)	ADB	2015	2020	Đợt 1: 3231, 3232, 3234/QĐ-UBND ngày 11/11/2015; 3541, 3542, 3543/QĐ-UBND ngày 09/12/2015; Đợt 2: 3376, 3377/QĐ-UBND ngày 06/9/2019; 243,244,245/QĐ-UBND ngày 21/01/2020	30.227	6.999		1,1 triệu USD	23.228	23.228		839			839	839			839	839			839							
3	Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững RPH tỉnh Quảng Bình (JICA2)	JICA	30/3/2012	31/12/2021	3657/QĐ-BNN-HTQT	122.964	21.367		453 triệu Yên	101.597	101.597		3.722			3.722	3.722			3.722	12.316			12.316					
4	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP) tỉnh Quảng Bình	WB	07/04/2016	04/07/2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	354.500	146.500	-	9 triệu USD	208.000	166.400	41.600	54.499	-	-	54.499	54.499	-	-	54.499	76.556	-		76.556	22.057	-		22.057	
5	Dự án cung cấp điện bằng năng lượng mặt trời tỉnh Quảng Bình cho các hòn còn những xã điện lưới quốc gia không đến được	Chính phủ Hàn Quốc	2012	2021	1326/QĐ-UBND ngày 11/6/2013; 1187/QĐ-UBND ngày 07/4/2017; 4324/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	289.443	37.443	26.210	12 triệu USD	252.000	252.000		12.458	3.100		9.358	12.458	3.100		9.358	19.700	4.700		15.000	-	-			
6	Thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Chính phủ Đan Mạch	42527	31/12/2020	1106/QĐ-UBND ngày 07/05/2014; 1392/QĐ-TTg ngày 09/8/2021; 3036/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	396.543	132.639	85.467	9,96 triệu Euro	263.904	263.904		8.500	8.500		-	8.500	8.500		-	135.347	27.178		108.169	126.847	18.678		108.169	TTg phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho Dự án tại QĐ 1392/QĐ-TTg ngày 09/8/2021. (Chưa giao trung hạn 2021-2025)
7	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8	WB	08/4/2016	30/6/2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2013 3555/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 753/QĐ-UBND ngày 01/3/2019	277.950	14.404	-	11,8 triệu USD	263.546	245.098	18.448	30.650	-	-	30.650	30.650	-	-	30.650	83.734	-	-	83.734	53.084	-	-	53.084	
8	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tỉnh chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình	WB	3/8/2018	31/12/2023	3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 và số 3944/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	501.959	98.031	21.282	17,689 triệu USD	403.928	162.266	40.578	3.321			3.321	3.321			3.321	162.266			162.266	60.890			60.890	

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2021								Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến KH năm 2022				Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT							Kế hoạch giao (Đã bao dự toán vốn nước ngoài)				Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/12/2021												
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW			
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
										Tổng số	Trong đó:																		
											Dưa vào cân đối NSTW	Vay lại																		
9	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Đồng Hới	WB	43035	44926	582/QĐ-TTg 04/04/2016; 1624/QĐ-TTg 25/10/2017 3128/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.294.800	176.200	81.356	50,2 triệu USD	1.118.600	639.280	479.320	133.000	6.000		127.000	133.000	6.000		127.000	420.559	56.356		364.203	287.559	50.356		237.203	
10	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án Quảng Bình	ADB	43304	45199	1769/QĐ-UBND ngày 30/05/2018	974.025	259.650	141.620	31,75 triệu USD	714.375	487.125	227.250	184.167	40.000		144.167	184.167	40.000		144.167	557.163	96.620		460.543	225.000	40.000		185.000	
11	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	ADB	30/6/2019	30/6/2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020; 4503/QĐ-UBND 27/11/2020	275.077	40.699	-	10,193 triệu USD	234.378	187.502	46.876	3.370			3.370	3.370			3.370	187.502			187.502	85.263			85.263	
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025																												
1	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	WB	18/2/2020	18/2/2024	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; 1119/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	174.339	35.686	25.000	6,1 triệu USD	138.653	83.192	55.461	12.422			12.422	12.422			12.422	108.192	25.000		83.192	37.000	12.000		25.000	
2	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	Chính phủ Hungary			1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	417.080	54.190	-	13,7 triệu Euro	362.890	217.734	145.156									5.514			5.514	5.514			5.514	
3	Dự án Cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Koica			617/TTg-HTQT ngày 12/5/2021	347.067	117.067	-	10 triệu USD	230.000	85.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-	5.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /NQ-HĐND	*Quảng Bình, ngày tháng 10 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022 tỉnh Quảng Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022 như sau:

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2022 dự kiến là: 2.531.706 triệu đồng, gồm:

- Vốn trong nước: 1.744.526 triệu đồng;
- Vốn nước ngoài: 787.180 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban dân nhân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học-Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Phụ lục I
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ				**7.256.351**	**6.436.351**	**468.740**	**468.740**	**468.740**	**468.740**	**508.740**	**508.740**	**6.087.134**	**5.267.134**	**33.992**	**1.823.492**	**1.623.492**	**26.159**	
A	**HOÀN ỨNG TRƯỚC**				**163.209**	**163.209**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**33.992**	**33.992**	**33.992**	**26.159**	**26.159**	**26.159**	
	Đảm bảo an toàn hồ chứa				**163.209**	**163.209**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**7.833**	**33.992**	**33.992**	**33.992**	**26.159**	**26.159**	**26.159**	
1	Sửa chữa nâng cấp cụm hồ chứa nước xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch	Huyện Bố Trạch	2013-2016	1831/QĐ-UBND ngày 30/7/2010	99.210	99.210	2.833	2.833	2.833	2.833	2.833	2.833	11.000	11.000	11.000	8.167	8.167	8.167	
2	Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ huyện Quảng Ninh (hồ Điều Gà)	Huyện Quảng Ninh	2013-2016	851/QĐ-UBND ngày 26/4/2010	34.720	34.720	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	11.992	11.992	11.992	9.492	9.492	9.492	
3	Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Cây Mưng xã Mai Thủy	Huyện Lệ Thủy	2013-2016	2677/QĐ-UBND ngày 19/10/2011	29.279	29.279	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	11.000	11.000	11.000	8.500	8.500	8.500	
B	**NGÀNH GIAO THÔNG**				**5.917.307**	**5.097.307**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**4.917.307**	**4.097.307**	**0**	**1.550.733**	**1.350.733**		
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**				**3.290.000**	**2.740.000**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**460.907**	**3.040.000**	**2.490.000**	-	**1.161.517**	**1.041.517**	-	
a	***Dự án nhóm A***																		
1	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (Dự án thành phần 1- Đường ven biển: NSTW 1.400 tỷ đồng; Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3: NSTW 300 tỷ đồng)	Toàn tỉnh	2021-2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	2.200.000	1.650.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1.950.000	1.400.000	-	820.000	700.000	-	
-	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	2.200.000	1.650.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1.950.000	1.400.000		820.000	700.000		
b	***Dự án nhóm B***																		
1	Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân đi xã Trường Sơn huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Quảng Ninh	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
3	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm Thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
4	Đường từ Tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1).	Bố Trạch	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
5	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Ba Đồn	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	100.000	100.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	100.000	100.000		29.000	29.000		
6	Đường nối từ Quốc lộ 1A đến Quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000	33.829	33.829	33.829	33.829	33.829	33.829	210.000	210.000		70.917	70.917		
7	Xây dựng Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A.	Quảng Trạch	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000	41.678	41.678	41.678	41.678	41.678	41.678	210.000	210.000		71.600	71.600		
8	Tuyến đường liên xã phía Tây thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2021-2024	161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	170.000	170.000	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	30.900	170.000	170.000		54.000	54.000		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022				1.327.307	1.307.307	0	0	0	0	0	0	1.327.307	1.307.307	0	209.216	209.216		
a	***Dự án nhóm A***																		
1	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (Dự án thành phần 1- Đường ven biển: NSTW 1.400 tỷ đồng; Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3: NSTW 300 tỷ đồng)	Toàn tỉnh	2021-2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	1.300.000	1.050.000	0	0	0	0	0	0	550.000	300.000	0	180.000	100.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
-	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hai đầu cầu	Đồng Hới	2022-2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	1.300.000	1.050.000							550.000	300.000		180.000	100.000		
b	***Dự án nhóm B***																		
1	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	157.307	157.307							157.307	157.307		25.216	25.216		
2	Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	160.000	160.000							160.000	160.000		25.600	25.600		
3	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	200.000	200.000							200.000	200.000		32.000	32.000		
4	Tuyến đường kết nối từ đường ven biển đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	180.000	180.000							180.000	180.000		28.800	28.800		
5	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	Lệ Thủy	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	140.000	140.000							140.000	140.000		22.400	22.400		
6	Hạ tầng tuyến đường chính từ Trung tâm huyện Quảng Trạch kết nối với Tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	110.000	110.000							110.000	110.000		17.600	17.600		
7	Hạ tầng Tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	Ba Đồn	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	130.000	110.000							130.000	110.000		17.600	17.600		
8	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp hạ tầng tuyến đường tỉnh lộ 559 đoạn từ xã Quảng Lộc đi xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	100.000	100.000							100.000	100.000		16.000	16.000		
9	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	150.000	150.000							150.000	150.000		24.000	24.000		
C	**NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**				**100.000**	**100.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**40.000**	**40.000**	**60.000**	**60.000**	**0**	**35.000**	**35.000**		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**																		
	Dự án nhóm B																		
1	Kè biển Hải Thành-Quang Phú, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 2)	Đồng Hới	2020-2023	1833/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	100.000	100.000					40.000	40.000	60.000	60.000		35.000	35.000		
(2)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
1	Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	250.000	250.000	-	-	-	-	-	-	250.000	250.000	-	70.750	70.750	-	
-	Dự án thành phần 1: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn đập Khe Dối, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2022	85.000	85.000							85.000	85.000		21.250	21.250		
-	Dự án thành phần 2: Sửa chữa hồ Nước Sốt và hồ Khe Mái huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2023	30.000	30.000							30.000	30.000		9.000	9.000		
-	Dự án thành phần 3: Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê, đập Hói Trường, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2024	25.000	25.000							25.000	25.000		7.500	7.500		
-	Dự án thành phần 4: Sửa chữa, nâng cấp 02 hồ Bàu Trạng xã Cự Nẫm và Trọt Hóp xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2025	21.000	21.000							21.000	21.000		6.300	6.300		
-	Dự án thành phần 5: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Nghè, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	30.000	30.000							30.000	30.000		9.000	9.000		
-	Dự án thành phần 6: Sửa chữa, nâng cấp hồ Điều Gà và hồ Long Đại (hồ Trớm), huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2027	30.000	30.000							30.000	30.000		9.000	9.000		
-	Dự án thành phần 7: Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ chứa nước Cồ Hụ, Ô Rô và Văn Minh, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2028	29.000	29.000							29.000	29.000		8.700	8.700		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Hỗ trợ Chương trình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022-2025		50.000	50.000							50.000	50.000		7.450	7.450		
D	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**				**35.835**	**35.835**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**35.835**	**35.835**	**0**	**15.000**	**15.000**	**0**	
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**																		
a	***Dự án nhóm B***																		
1	Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn 1	Lệ Thủy	2020-2023	1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; 1999/QĐ-UBND ngày 16/6/2020	35.835	35.835	0	0	0	0	0	0	35.835	35.835		15.000	15.000		
E	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**				**150.000**	**150.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**150.000**	**150.000**	**-**	**24.000**	**24.000**		
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
	Dự án nhóm B																		
1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	150.000	150.000							150.000	150.000		24.000	24.000		
F	**LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH**				**260.000**	**260.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**260.000**	**260.000**	**-**	**41.600**	**41.600**		
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
1	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000							210.000	210.000		33.600	33.600		
2	Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	50.000	50.000							50.000	50.000		8.000	8.000		
G	**HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**				**120.000**	**120.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**120.000**	**120.000**	**0**	**19.200**	**19.200**	**0**	
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu Kinh tế Hòn La	Quảng Trạch	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	120.000	120.000							120.000	120.000		19.200	19.200		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021 (bao gồm số điều chỉnh, dự kiến giao đến hết năm 2021)				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao			Dự kiến kế hoạch 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021					Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
H	**LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**				**210.000**	**210.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**210.000**	**210.000**	**0**	**33.600**	**33.600**	**0**	
I	**Thực hiện dự án**																		
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**																		
a	***Dự án nhóm B***																		
1	Dự án chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021	210.000	210.000							210.000	210.000		33.600	33.600		

Phụ lục II

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2021								Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến KH năm 2022				Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT							Kế hoạch giao (Đã bỏ dự toán vốn nước ngoài)				Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/12/2021													
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW		
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
										Tổng số	Trong đó:																		
											Dùng vào mục đích NSTW	Vay lại																		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
	TỔNG SỐ					**7.040.483**	**1.480.805**	**611.976**		**5.559.678**	**4.159.695**	**1.061.576**	**490.788**	**101.440**	**36.953**	**389.348**	**483.901**	**94.553**	**36.953**	**389.348**	**1.818.528**	**253.694**	**36.953**	**1.564.834**	**908.214**	**121.034**	**-**	**787.180**	
A	**VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																												
I	**HOÀN ỨNG TRƯỚC**																												
1	Dự án Vệ sinh Môi trường TP Đồng Hới	WB	2007	2014	796/QĐ-UBND ngày 22/4/2009; 3041/QĐ-UBND ngày 23/10/2009; 445/QĐ-UBND ngày 4/3/2010	1.548.992	315.394	221.154	60 triệu USD	1.233.598	1.233.598		36.953	36.953	36.953		36.953	36.953	36.953		36.953	36.953	36.953						Chưa giao Trung hạn 2021-2025
II	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**																												
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống phân phối và xử lý nước 5 xã Hiền Xuân Tân An Vạn và KCN Áng Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Italia	2010		3159/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	35.517	24.536	9.887	0,45 triệu EURO	10.981	10.981	6.887	6.887	6.887							6.887	6.887							Chưa giao trung hạn 2021 - 2025
2	Dự án giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (ADB)	ADB	2015	2020	Đợt 1: 3231, 3232, 3234/QĐ-UBND ngày 11/11/2015; 3541, 3542, 3343/QĐ-UBND ngày 09/12/2015; Đợt 2: 3376, 3377/QĐ-UBND ngày 06/9/2019; 243,244,245/QĐ-UBND ngày 21/01/2020	30.227	6.999		1,1 triệu USD	23.228	23.228		839			839	839			839	839			839						
3	Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững RPH tỉnh Quảng Bình (JICA2)	JICA	30/3/2012	31/12/2021	3637/QĐ-BNN-KH	122.964	21.367		453 triệu Yên	101.597	101.597		3.722			3.722	3.722			3.722	12.316			12.316					
4	Dự án xây dựng nền dân sinh và quản lý tài sản dưới địa phương (Dự án LRAMP) tỉnh Quảng Bình	WB	07/04/2016	04/07/2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	354.500	146.500	-	9 triệu USD	208.000	166.400	41.600	54.499	-	-	54.499	54.499	-	-	54.499	76.556	-		76.556	22.057	-		22.057	
5	Dự án cung cấp điện bằng năng lượng mặt trời tỉnh Quảng Bình cho các bản của những xã điện lưới quốc gia không đến được	Chính phủ Hàn Quốc	2012	2021	1326/QĐ-UBND ngày 11/6/2013; 1187/QĐ-UBND ngày 07/4/2017; 4324/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	289.443	37.443	26.210	12 triệu USD	252.000	252.000		12.458	3.100		9.358	12.458	3.100		9.358	19.700	4.700		15.000	-	-			
6	Thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Chính phủ Đan Mạch	42527	31/12/2020	1106/QĐ-UBND ngày 07/05/2014; 1392/QĐ-TTg ngày 09/8/2021; 3036/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	396.543	132.639	85.467	9,96 triệu Euro	263.904	263.904		8.500	8.500		-	8.500	8.500		-	135.347	27.178		108.169	126.847	18.678		108.169	TTg phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho Dự án tại QĐ 1392/QĐ-TTg ngày 09/8/2021. (Chưa giao trung hạn 2021-2025)
7	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8	WB	08/4/2016	30/6/2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015 3553/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 753/QĐ-UBND ngày 01/3/2019	277.950	14.404	-	11,8 triệu USD	263.546	245.098	18.448	30.650	-	-	30.650	30.650	-	-	30.650	83.734	-	-	83.734	53.084	-	-	53.084	
8	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tỉnh chống chịu vững ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình	WB	3/8/2018	31/12/2023	3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 và số 3944/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	501.959	98.031	21.282	17,689 triệu USD	403.928	162.266	40.578	3.321			3.321	3.321			3.321	162.266			162.266	60.890			60.890	

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2021								Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến KH năm 2022				Ghi chú
					Số quyết định	TMDT							Kế hoạch giao (Đã bao dự toán vốn nước ngoài)				Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/12/2021												
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW			
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
										Tổng số	Trong đó:																		
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																		
9	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Đồng Hới	WB	43033	44926	382/QĐ-TTg 06/04/2016; 1624/QĐ-TTg 23/10/2017 3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.294.800	176.200	81.356	50,2 triệu USD	1.118.600	639.280	479.320	133.000	6.000		127.000	133.000	6.000		127.000	420.559	56.356		364.203	287.559	50.356		237.203	
10	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án Quảng Bình	ADB	43384	45199	1769/QĐ-UBND ngày 30/05/2018	974.025	259.650	141.620	31,75 triệu USD	714.375	487.125	227.250	184.167	40.000		144.167	184.167	40.000		144.167	557.163	96.620		460.543	225.000	40.000		185.000	
11	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	ADB	30/6/2019	30/6/2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020; 4503/QĐ-UBND 27/11/2020	275.077	40.699	-	10,193 triệu USD	234.378	187.502	46.876	3.370			3.370	3.370			3.370	187.502			187.502	85.263			85.263	
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025																												
1	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	WB	18/2/2020	18/2/2024	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; 1119/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	174.339	35.686	25.000	6,1 triệu USD	138.653	83.192	55.461	12.422			12.422	12.422			12.422	108.192	25.000		83.192	37.000	12.000		25.000	
2	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	Chính phủ Hungary			1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	417.080	54.190	-	13,7 triệu Euro	362.890	217.734	145.156									5.514			5.514	5.514			5.514	
3	Dự án Cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Koica			617/TTg-HTQT ngày 12/5/2021	347.067	117.067	-	10 triệu USD	230.000	85.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-	5.000	